

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST

Ngày 27 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhiều và ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân H, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1998, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Nguyễn Xuân H (đã chết); con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 153/2019/HSST ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Nguyễn Xuân H chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2021; nộp án phí sơ thẩm ngày 28/11/2019; nhân thân: Bản án số 105/2015/HSST ngày 13/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2015; Bản án số 202/2016/HSST ngày 16/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2017. Cả hai bản án này khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng, nên được coi là không có án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22/6/2021 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Anh Vũ Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông Trần Văn V, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đ; vắng mặt.

2- Anh Trần Đức L, sinh năm 2002; Trú tại: Số 346, L, phường L, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

1- Ông Vũ Ngọc Ch, sinh năm 1949;

2- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982;

3- Ông Lê Văn L, sinh năm 1976;

4- Chị Phạm Thị X, sinh năm 1971;

5- Anh Vũ Văn H, sinh năm 1974;

6- Anh Vũ Văn B, sinh năm 1969;

Đều trú tại: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; (đều vắng mặt)

7- Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn B xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 21/6/2021, Nguyễn Xuân H mang theo 01 chiếc vạm phá khóa và thuê xe taxi Mai Linh (không nhớ biển kiểm soát) đi từ nhà đến huyện V, tỉnh Thái Bình để trộm cắp tài sản. Khi đến gần Trạm y tế xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình, H xuống xe rồi đi bộ đến xưởng hàn của anh Nguyễn Thanh T mượn máy cắt để mài chiếc vạm phá khóa, cắt bỏ bớt một phần đầu vạm vút lại tại xưởng của anh T 01 đoạn kim loại dài 2,5cm. Khi ra khỏi xưởng của anh T, H gặp một người đàn ông đi xe mô tô qua đường, H đi nhờ xe của người này đến đoạn đường trước cửa gia đình anh Vũ Văn C thì xuống xe. Tại đây, H nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển kiểm soát 47B1-106.62, trị giá 9.000.000 đồng của anh C dựng bên vệ đường, trước cổng nhà, không có người trông coi. H đi đến chỗ chiếc xe, quan sát thấy xe không khóa cổ, khóa càng, H dùng vạm phá khóa cắm đầu nhọn của vạm vào ổ khóa điện rồi vặn mạnh nhưng xe không nổ máy. Lúc này thấy có người dân qua lại, sợ bị lộ nên H cất chiếc vạm vào túi quần rồi ngồi lên yên xe, lấy điện thoại ra giả vờ nghe điện thoại. Sau đó H dắt chiếc xe mô tô này tiến lên phía trước khoảng 03 mét, tiếp tục dùng vạm mở ổ khóa điện nhưng vẫn không được. Thấy có người dân qua lại, H để chiếc xe mô tô lại rồi đi bộ đến vị trí gần

đó, đợi khi không có người thì quay lại tiếp tục mở ổ khóa điện để trộm cắp chiếc xe này. Đến khoảng 17 giờ 10 phút, H quay lại vị trí chiếc xe mô tô này thì cùng lúc anh C phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị di chuyển khỏi vị trí ban đầu, anh đến kiểm tra thấy ổ khóa điện của xe bị cạy phá nên hô hoán người dân truy tìm người trộm cắp xe. Thấy vậy, H quay trở lại quán nước ở gần Trạm y tế xã T ngồi thì bị người dân phát hiện, giữ lại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KLGD-HĐĐG ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, tỉnh Thái Bình kết luận: “01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, màu nâu, đeo biển kiểm soát 47B1 – 106.62 đã qua sử dụng có giá trị 9.000.000 đồng”.

Bản kết luận giám định số 75/KLGD-PC09 ngày 23/7/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình về hình ảnh, nội dung liên quan đến quá trình trộm cắp tài sản trích xuất từ dữ liệu video lưu trên đầu thu camera nhà ông Vũ Văn T.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân H khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển kiểm soát 47B1-106.62, trị giá 9.000.000 đồng như nội dung đã nêu ở trên.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKSVT ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Xuân H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s,h khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Xuân H mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 22/6/2021.

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*

Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Vũ Văn C đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển kiểm soát 47B1 – 106.62; Anh C yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân H phải bồi thường số tiền 500.000 đồng sửa chữa ổ khóa điện của chiếc xe mô tô bị hư hỏng do hành vi phạm tội của bị cáo gây lên. Bị cáo đã nhờ mẹ đẻ là bà Phạm Thị T bồi thường cho anh C số tiền trên.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3 đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ T; 01 đoạn kim loại dài 2,5cm, hình dẹt của bị cáo Nguyễn Xuân H sử dụng vào việc phạm tội.

- Số tiền 3.130.000 đồng quản lý của bị cáo Nguyễn Xuân H, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Phạm Thị T (mẹ đẻ bị cáo H). Bà T và bị cáo Nguyễn Xuân H không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Biên bản sự việc do Công an xã T lập tại Trạm y tế xã T ngày 21/6/2021; biên bản ghi lời khai của người bị hại là anh Vũ Văn C; biên bản ghi lời khai của người làm chứng; biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 22/6/2021; bản kết luận định giá tài sản số 24/KLGD ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Thái Bình; bản kết luận giám định số 75/KLGD-PC09 ngày 23/7/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình về hình ảnh, nội dung liên quan đến quá trình trộm cắp tài sản trích xuất từ dữ liệu video lưu trên đầu thu camera nhà ông Vũ Văn T, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 21/6/2021, Nguyễn Xuân H đã có hành vi dịch chuyển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển kiểm soát 47B1 – 106.62, trị giá 9.000.000 đồng của anh Vũ Văn C khỏi vị trí ban đầu, rồi dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện để trộm cắp chiếc xe này thì bị người dân phát hiện. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Xuân H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ”.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Nguyễn Xuân H thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại sơ hở trong việc quản lý, giám sát lỏng lẻo của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Xuân H đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; giá trị tài sản trộm cắp không lớn; trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51, ngoài ra bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, bị cáo đã tác động cùng gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 500.000 đồng. Bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì khác. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình quản lý của Nguyễn Xuân H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3 đã qua sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ T; 01 đoạn kim loại dài 2,5cm, hình dẹt của bị cáo Nguyễn Xuân H là dụng cụ bị cáo dùng để phạm tội.

- Số tiền 3.130.000 đồng quản lý của bị cáo Nguyễn Xuân H, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Phạm Thị T (mẹ đẻ bị cáo H), bị cáo và bà T không có ý kiến gì, nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b,h,s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 46; Điều 47; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giam 22/6/2021.

3. Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F3 đã qua sử dụng, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ T và 01 đoạn kim loại dài 2,5cm, hình dẹt.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện V, tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 07 tháng 9 năm 2021).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2021); bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

